TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ THANH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 14/01/2022
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Gấm
2. Bà Lê Thị Giang

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trịnh Xuân Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021về việc ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị D - Sinh năm 1973
Trú tại: Thông Đ, xã Y, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa
Có mặt.

Bị đơn: Ông Viên Đình D - Sinh năm 1967
Trú tại: Thông Đ, xã Y, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2021* và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Hoàng Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Viên Đình D tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1991, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn do thiếu hiểu biết về pháp luật. Sau tổ chức cưới bà và ông D sinh sống ổn định tại thông Đ, xã Y, huyện Như Thanh Tỉnh Thanh Hóa. Hai

bên chung sống với nhau đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do: tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống vợ chồng hay xảy ra xung đột cãi vã và ngày càng trầm trọng hơn. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng kết quả không thành. Bà và ông D đã sống ly thân kể từ năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến nhau nữa.

Xác định mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, tình cảm không còn; bà và ông D không đăng ký kết hôn nên bà D đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông D là vợ chồng.

*Về con chung, bà D trình bày:*Bà và ông D có 03 con chung là:Viên Đình H, sinh ngày 08/8/1992; Viên Thị H, sinh ngày 20/02/1993; Viên Thị G, sinh ngày 08/6/2003.Hiện nay các con chung của bà và ông D đã trưởng thành và phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Bà Hoàng Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Hoàng Thị D đề nghị được chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, bà Hoàng Thị D còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: 01 Đơn khởi kiện; 01 Giấy xin xác nhận (không đăng ký kết hôn); 02 CMND bà D, ông D (bản sao chứng thực); 03 Giấy khai sinh cháu Giang, Hương, Hải (bản sao); 01 Sổ hộ khẩu (bản sao chứng thực); 01 Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án ngày 18/10/2021; 01 Bản tự khai của bà D.

* *Tại văn bản ghi ý kiến của bị đơn ngày 20/10/2021,* bị đơn là ông Viên Đình D trình bày:

Về hôn nhân: Việc ông và bà Hoàng Thị D sống chung như vợ chồng từ năm 1991. Tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn của hai người đúng như bà D đã trình bày. Do ông và bà D không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên ông cũng đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà Dlà vợ chồng.

Về con chung: Ông Viên Đình D thống nhất với lời trình bày của bà D về số con chung. Hiện nay các con chung đã thành niên và phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ; đã tự tạo lập được cuộc sống riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Ông Viên Đình D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông D thống nhất với đề nghị của bà D về việc bà D chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

** Tại các văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân,* UBND xã Y, huyện Như Thanh (nơi bà D và ông D cư trú trước và sau khi sống chung như vợ chồng) xác nhận Bà D và ông D không đăng ký kết hôn theo quy định.

Tại phiên tòa: Bà D và ông D đều đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng; không yêu cầu giải quyết trách nhiệm nuôi con chung và chia tài sản, công nợ chung.

Phần tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng thuộc lĩnh vực Hôn nhân và gia đình; bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Như Thanh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị D và ông Viên Đình D tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND cấp xã nơi cư trú của một trong hai bên là vi phạm Điều 8 Luật HNGĐ năm 1986; điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình và vi phạm Điều 9 Luật HNGĐ năm 2014. Nay bà D và ông D đều đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng nên Tòa án căn cứ vào Điều 14 Luật HNGĐ năm 2014 và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016//TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp chấp nhận đơn khởi kiện đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng của bà Dđối với ông ông D là phù hợp.

[3] Về con chung: Các con chung của bà D và ông D đã thành niên và phát triển bình thuồng về thể chất, trí tuệ; đã tự tạo lập cuộc sống riêng; bà D và ông D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ: Bà D và ông D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ nên không Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Sự thỏa thuận giữa bà D và ông D về việc bà D chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên Tòa án chấp nhận

sự thỏa thuận của bà D và ông D về phần án phí. Theo đó, bà Hoàng Thị D chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 217; 218; 219; 266; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016//TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp;

Căn cứ vào: Điều 6; khoản 3 Điều 18; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị D, cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Xử không công nhận bà Hoàng Thị D và ông Viên Đình D là vợ chồng.

Về án phí: Bà Hoàng Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền án phí bà D phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2018/0006480 ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa; bà D đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh;*
- *UBND xã Y;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;*
- *Chi cục THA DS huyện Như Thanh (để thi hành);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Lê Đình Huy